BnF Gallica

Luoc biên cách thú day hoc. Méthode d'enseignement élémentaire par A. Cransac et J. B. Tòng

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

{BnF Gallica

Cransac, A. Auteur du texte. Luoc biên cách thú day hoc. Méthode d'enseignement élémentaire par A. Cransac et J. B. Tòng. 1924.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :
- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».
- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter
utilisation.commerciale@bnf.fr.

8° Pièce
INDO-CHINOIS
260

Le 10/7/1924. : 10 Mars

MISSION DES ÉCOLES DE LA MISSION DE SAIGON

Tirage : 500 exemplaires
Imprimeur : Gabriel Ong

LƯỚC BIÊN CÁCH THỨC DẠY HỌC

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE IMPRIMÉS L.E.

MÉTHODE D'ENSEIGNEMENT ÉLÉMENTAIRE

par A. CRANSAC et J. B. TÒNG

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 2142

TD

9 juillet 1924 n° 58

SAIGON — TANDINH
IMPRIMERIE DE LA MISSION
289, rue Paul-Blanchy, 289
1924

(30)

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

COMMISSION DES ECOLES DE LA MISSION DE SAIGON

LƯỢC BIÊN CÁCH THỨC DẠY HỌC

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMÉS

MÉTHODE D'ENSEIGNEMENT ÉLÉMENTAIRE

par A. CRANSAC et J. B. TÒNG

Pac
f Ind. Chin
960

TD

SAIGON — TANDINH
IMPRIMERIE DE LA MISSION
289, rue Paul-Blanchy, 289
1924

Lược biên cách thức dạy học

Dạy học trò các trường họ, cho chúng nó thuộc biết rõ ràng các bài vở chỉ định trong chương trình của Địa Phận, nội trong bốn năm chúng nó đi học: ấy là cách thức dạy học rất hay và giỏi hơn hết.

Muốn cho cách thức dạy học thành tựu và tấn phát, thì phải giữ những đều sau nầy về: *Thầy dạy*, — *chỗ học* và *đồ đạc trong trường*, — *cách dạy chung các bài*, và *cách dạy riêng mỗi một bài*.

PHẦN THỨ NHỨT

Luận chung ít đều về việc dạy học

I. — Thầy dạy.

1° — Phải ham dạy và thương học trò, vì lòng kính mến Chúa.

2° — Phải tuân theo chương trình và bản chia giờ dạy mỗi một bài.

3° — Mỗi lần dạy, phải dọn bài trước; và mỗi bài, bài sau phải hoà hiệp nối tiếp với bài trước.

4° — Phải sắp đặt bài vở cho có thứ lớp, khó dễ thấp cao theo sức học trò.

5° — Phải dọn trước mấy câu hỏi, cho đặng biết học trò có nhớ, có hiểu những đều mình đã dạy chúng nó chăng, — cho đặng rõ đứa nào sáng

dạ, đứa nào tối trí, đứa nào ham học, đứa nào biếng nhác. — Câu hỏi phải rõ ràng dễ hiểu, — biểu học trò lặp lại câu hỏi, — để giờ cho nó suy xét mà trả lời, — nó trả lời thể nào cũng đừng nhạo báng trêu cợt,—đừng cứ mấy đứa giỏi mà hỏi hoài, bỏ qua mấy đứa dở.

6° — Phải ra sức tập học trò cho biết cầm trí cùng chăm chỉ mà nghe thầy dạy; phải ở trước mặt học trò,—phải thấy học trò trong cả và lớp; — hễ thầy nói, thì học trò phải ngó thầy hết thảy; —kêu trò nào mà hỏi, thì phải ra câu hỏi trước rồi mới kêu nó dậy mà trả lời;—tập học trò cho biết lập câu hỏi;—thầy đừng chuyện chơi vô cớ, và cấm học trò, đừng để truyện trò chơi giỡn;— vật chi chẳng cần dùng theo bài dạy, thì đừng cho dùng, cũng đừng cho đem vào lớp;—phải làm hết sức cho học trò ham nghe thầy dạy và nông công ái mộ việc học hành;—vân vân...

7°—Trường nào cũng phải có luật phép nghiêm nhặt: tới giờ vào học và khi bãi học, thì phải sắp hàng và làm thinh luôn;—đừng cho học trò đem đồ chơi vào lớp, hay là vật chi làm cho nó lo ra lếu láo;—buộc học trò để tay trên bàn luôn, đừng cho giấu tay dưới bàn.— Năng nhắc đi nhắc lại cho nó nhớ mình ở trước mặt Đ C T,—cho nó biết nghe tiếng lương tâm;—tập cho nó quen giữ thứ tự trong các việc làm.—Sửa phạt, thì tùy lỗi nặng nhẹ, cùng tùy sức trí đứa có lỗi mà sửa phạt.— Những đứa thật thà chơn chất, những đứa bịnh hoạn ốm yếu, những trò tối tăm mê muội, thì hãy

nhơn từ dung chế cho lắm; – còn những đứa giả hình, láo xược, hay ăn cắp, hay gây lộn rầy rà, thì phải sửa trị nghiêm phép.— Những trò nông công chí thú học hành, thì ban khen ban thưởng hơn những đứa tự nhiên sáng dạ.—Phải lo cho học trò đứng ngồi tề chỉnh, áo quần cùng châu thân sạch sẽ, kỉ lưỡng, vén khéo, vui vẽ, khuôn phép nết na và mau mắn minh mẫn.—Chớ khi nào dùng tên riêng, hoặc tiếng sỉ nhục mà kêu học trò;—hãy lánh hết sức, chớ hề làm cớ cho học trò giận hờn hềm ghét thầy.—Thầy phải nhớ đều nầy : Dạy mà không luật phép nghiêm chỉnh, *thì không dạy được chi cả !*

II. — **Chỗ học.**

Lớp học phải có đủ đều theo phép vệ sinh cùng luật buộc phải có : là phải rộng rãi khoản khoát, phải sáng và sạch, phải xa nơi đô hội rầy rà, hầu học trò khỏi xao lảng, khỏi lo ra những việc ngoài.

— Nơi nào có hai thầy dạy chung một chỗ, thì phải dừng vách, ngăng làm hai phòng, mà hai thầy phải thấy nhau, lại thầy và trò hai phòng khỏi khó cho nhau đang khi dạy và khi học. — Lớp nào trên 50 học trò, thì phải có hai thầy dạy. — Lớp học phải rộng đủ cho thầy trò qua lại, khỏi chen lấn tông chạm, hầu thầy làm việc thầy, trò làm việc trò cho thong thả và mau tấn ích.

Xung quanh trường phải có sân chơi,—*trường nào mà học trò không chạy chơi trong giờ nghỉ,*

thì chẳng có chi tệ bằng,» — một sân cho học trò nam, một sân cho học trò nữ; mỗi sân mỗi có cầu tiêu cầu tiểu nơi dễ coi chừng học trò.

III. — **Đồ đạc phải có trong trường.**

Mỗi họ phải sắm cho trường họ mình các đồ dùng trong mỗi lớp học, và các đồ dạy như sau nầy :

1° — Một ảnh chuộc tội đút, hay là ảnh giấy.

2° — Một bàn viết để trên rầm cao cho thầy.

3° —Một tấm bản lớn sơn đen.

4° — Một bộ bản vần để tập đọc, (hoặc của Địa phận, hoặc cũa Thầy dòng).

5° — Một bản để dạy phép đo lường.

6° — Ít bản địa dư, (ít nữa là địa đồ Nam Kỳ).

7° — Một tủ nhỏ để đựng sách vở.

8° — Một cái chuông nhỏ.

9° — Một đồng hồ.

10° — Các đồ cần dùng mà quét cùng chùi rửa nhà trường cho sạch.

11° — Bàn ghế cho đủ số học trò ngồi học, — cho vừa trang tác học trò; — đừng dùng thứ bàn, học trò ngồi chung một bàn đâu mặt với nhau ;— sắp bàn ghế cách khoản nhau cho thầy đi luồn được trong các bàn, và học trò ngồi đừng chật.

12. — Phải có hai cuốn sổ: a) *Sổ cái*, — *b) Sổ kêu tên*. — *Sổ cái* — cha sở biên và cha giữ, — sổ ấy biên các đều sau nầy: tên, họ, tên thánh, gia cư của học trò và cha mẹ học trò, — ngày nó sinh,

ngày nó chịu phép rửa tội, ngày nó nhập trường, ngày nó rước lễ vỡ lòng và rước lễ trọng thể, ngày nó chịu phép Xức trán.— Các trẻ trong họ đã tới tuổi buộc phải đi học trường họ, nghĩa là từ 6 tuổi cho tới khi rước lễ trọng thể, thì phải biên như vậy vào sổ cái.

Còn *sổ kêu tên* mỗi ngày trong lớp, — thầy phải biên và phải giữ, — thì biên các đều mới kể trước nầy một lần trong trang đầu sổ mà thôi, và biên những đứa có đi học mà thôi. — Hai sổ ấy giống như hai sổ đã dùng bấy lâu. — Bằng về sổ *Nhựt kí,* hồi trước thầy dùng mà biên các bài vở thầy cho và học trò làm hằng ngày, thì bày giờ bỏ sổ ấy, chẳng còn dùng nữa. (Nhưng vậy cha sở khá năng xem xét, coi thầy dọn bài cùng sắp đặt thể nào, sửa bài cùng dạy dỗ làm sao : ấy là đều rất hữu ích.

13° — *Những sách thầy dùng :* 1) — *Thánh giáo yếu lý*, để cắt nghĩa Sách Phần thường, song dùng tiếng khác chỉ một nghĩa như trong Sách Phần, mà cắt nghĩa cho con nít hiểu rỏ ràng mỗi câu trong Sách Phần thường. (Dùng sách « *Tam Giải* » cha Phaolồ Qui).

2) — *Toán Pháp*. Nếu không có sách nào khác tốt hơn, thì dùng Toán Pháp của ông Octave Morel và ông Trần Phục Lễ, in tại ông Schneider.

3) — Sách tóm lại các *Bài viết mỏ* và *Bài luận*. Bao lâu chưa có sách ấy thì dùng đỡ « *Phong hóa điều hành* », hoặc « *Gương tốt đồng nhi* », vân vân...

4) — *Sử Ký Nam Kỳ* (chừng có thì dùng).

5) — *Sấm Truyền cũ* và *Sấm Truyền mới*.

6) — *Trí tri sự vật*. Bao lâu chưa có sách nào thiệt tốt về bài nầy, thì dùng được sách « *Morale et Leçon de choses* » của ông Boscq, bán tại Librairie Saigonnaise.

7) — Trường nào dạy vẽ, thì thầy phải có một bổn dạy vẽ.

IV. — Ít đều chung về cách dạy các bài.

Thầy dạy phải làm hết sức cho mỗi đều mình dạy nên hữu ích, và tập rèn trí lòng trẻ nhỏ ; phải dùng hết tài năng linh hồn mà dạy dỗ, hầu trau giồi cùng sửa đang linh hồn học trò : phải ra sức cho một ngày một tấn ích ! Càng ra sức tìm phương tấn ích, thì sao sao cũng nên việc.

Muốn dạy cho nên việc, thì phải :

— Dạy theo *thể thức*, nghĩa là phải dạy theo mẹo mực cách thức đã lập ra cho vừa sức trí con nít, chẳng phải vui đâu dạy đó theo thửa ý mình.

— Dạy cho *nhằm lý:* lo mở mang trí hóa học trò hơn là ép nó cho thuộc lòng mà thôi.

— Dạy cho *vừa sức* học trò: lựa những bài hữu ích, và đặt cho dễ hiểu dễ làm, lại phải năng trở cách, đổi bài cho mới cho vui.

— Dạy cho có *thứ tự:* mỗi bài phải tóm lại một hai đều rõ ràng dễ nhớ, lại các bài sau trước phải hòa hiệp nối tiếp với nhau.

— Dạy cho *tùy tiện:* do bề thế phận sự học trò, mà định đều dạy dỗ, cho hạp đứng bực chúng nó.

— Dạy cho *cần mẫn:* ra bài vở cho học trò, thì phải chí quyết cho nó thuộc cùng làm bài kỷ lưỡng; đoạn cơ vấn và sửa bài rành rẽ, cho biết sức học trò tấn thối dường nào.

— Dạy cho *nông công sấn sướt:* tập học trò mắt ngó tai nghe chăm chỉ, tập cho nó biết suy xét, biết luận, biết nói cho nhằm lý lẽ.

V. — Ít đều riêng về cách dùng mà dạy.

Thầy dùng cộng cây, hột vuông nhỏ nhỏ, hột trái cây hay là hột chuỗi, hoặc đồ chi khác để riêng từ cái, hay là gộp lại từ chục từ trăm, mà dạy đếm số. — Cách dạy đo, lường, thì dùng đồ để đo, lường mà dạy: như dùng thước xếp, hoặc thước nguyên cây đã ghi phân, tất, khúc chi tư vuông một tất (décimètre cube), tờ giấy vuông vức một thước, chia đều khoản vuông vuông một tất, dùng cân, vân vân...

Ít tấm địa đồ, một trái đất bằng giấy: ấy là đồ rất hữu ích, để dạy địa dư.

Tấm bản đen là sách chung, để dạy cả và lớp, thầy trò đều phải năng dùng. — Dùng mà *tập viết:* khỉ sự viết thế nào và ra kiểu trên bản cho học trò tập viết; — dùng mà *dạy toán:* giải bài toán, cắt nghĩa và làm toán trên bản; — dùng mà dạy *Sử ký* và *địa dư:* viết bài sử ký, vẽ hình địa đồ trên

bản ; — sửa bài *viết mò*, sửa *bài luận*, sửa *toán đố* trên bản.—Tấm bản đen thiệt rất hữu ích, và giúp học trò dễ cầm trí và dễ chăm chỉ.

Trong việc dạy học trò, thì bài vở học trò làm là đầu mối việc. — Cho bài, thì phải cắt nghĩa trước, đừng cho bài khó quá, lại mỗi ngày mỗi đổi cách, đổi bài ; — phải buộc học trò làm cho hết bài, và buộc nó viết kĩ cang và trúng chữ.

Thường lề bắt học trò sửa bài vở của chúng nó. Trước hết sửa chung cho cả và lớp thế nầy : hoặc thầy cắt nghĩa miệng, hoặc biểu một học trò viết trên bản mà sửa chung ; đoạn thầy đi rảo coi lại bài mỗi trò đã sửa, rồi thầy đoán định mà cho số theo sức bài đã làm và lỗi đã sửa.

Bài vở học trò làm, thì phải làm trong hai cuốn tập : *tập bài mỗi ngày* và *tập bài mỗi tháng*.— *Tập bài mỗi ngày*, là tập để viết các bài của học trò mỗi ngày mỗi làm.

Còn *tập bài mỗi tháng*, là tập riêng để mỗi tuần mỗi chép một bài về một món riêng đã dạy, hầu mỗi tháng mỗi một món đều đáo lại một lần. — Hết thảy các trò trong một lớp đều phải làm một bài như nhau, một lượt với nhau, và nhứt là làm một mình, đừng ai giúp, đừng chép của ai. — Làm như vậy, thì *tập bài mỗi tháng* sinh ba đều ích nầy :

— 1°) Tập học trò và giúp cha mẹ học trò so sánh bài vở của mình, hoặc của con mình, chẳng phải so sánh với trò khác, song sánh bài vở của mình tháng sau với tháng trước, cho đặng

biết mình tấn thối giỏi dở thể nào.—2°) Giúp thầy dạy mỗi tháng mỗi biết rõ ràng, lớp mình dạy có tuân cứ chương trình chính đính, và học trò có nhờ các bài mình dạy cho đặng tấn ích chăng. — 3°) Sau hết giúp các đấng xét trường lấy tập ấy làm gốc, mà xem xét cách dạy trong trường thạnh suy tấn thối thể nào. Tập ấy để sẵn luôn, và biên ký đủ đều minh bạch : bài vở thứ tự lớp lang và hoà hiệp nối tiếp theo nhau, cách sửa bài và khuyên điểm (cho số), cách thức dạy học, vân vân...

Tập bài mỗi tháng giữ luôn trong trường, có một khi học trò thôi luôn, không đi học nữa, thì mới trả lại cho nó.

Thầy dạy phải ra sức buộc học trò giữ cho được mấy đều sau nầy : 1) mấy cuốn tập phải viết chữ cho tốt, giữ cho sạch, đừng bàu nhàu, đừng xấp hai xấp ba ;—2) phải viết cho cùng mỗi một trang, đừng xé tờ nào, cũng đừng bỏ trống chỗ nào ; — 3) khi viết thì đừng để trần cuốn tập trên bàn, song phải lót giấy dưới lưng, hầu giữ cuốn tập cho sạch cho tốt.

PHẦN THỨ' HAI

Cách dạy riêng mỗi một bài, theo chương trình chỉ định.

I. — **Đọc kinh trong trường.**

Dạy con nít cho nó biết kính chuộng việc đọc kinh, cho nó hiểu đọc kinh là việc rất cần, và

Chúa nhậm lời mà ban ơn phước, tập nó ham đọc kinh sốt sắng hết tình : đó là việc thầy dạy phải ân cần chí thiết.

Đang khi đọc kinh, thì thầy đứng nghiêm trang sốt sắng mà đọc, hay là lo cho học trò đọc các kinh quen đọc trong trường. Thầy biểu học trò quì gối, hay là đứng mà đọc nết na tề chỉnh, cho đủ tiếng và rỏ ràng; tới chỗ nghỉ hơi, thì nghỉ một lượt với nhau; đọc giọng tự nhiên và đọc và hiểu nghĩa kinh mình đọc, như thầy đã cắt nghĩa trước.

Học trò phải thuộc lòng các kinh quen đọc trong trường. Thầy phải cắt nghĩa mấy kinh ấy, cho học trò đặng hiểu đang khi đọc phải có lòng thể nào và phải xin đi gì, hầu miệng đọc thì lòng cũng đọc theo và nguyện xin sốt sắng. Đang khi học trò đọc kinh, nếu thầy lo việc khác, không dự tới việc đọc kinh, thì thiệt là khó coi lắm ! — Những kinh Chương trình buộc đọc, thì thỉnh thoảng thầy biểu một trò nhỏ đọc những kinh ấy một mình, còn mấy trò khác thì làm thinh mà nghe; làm như vậy cho đặng biết mỗi đứa và hết thảy có thuộc lòng, có đọc trúng hay là ăn bớt tiếng nào, có đọc sái nghĩa, nói tắt một lời, có thật lòng đạo đức sốt sắng mà làm việc ấy chăng.

Thầy chớ quên đều nầy: là nếu thầy muốn biết tường tận học trò mình tính nết thể nào, nhơn đức tử tế hay là trỗ tính hư nết xấu, thì hãy xem xét cho kỉ cách chúng nó đọc kinh và giờ chúng nó chơi nhởi,

Hễ tới giờ chỉ định trong bản «*Chia giờ dạy*» thì thầy phải dạy mấy đứa nhỏ cho nó thuộc những kinh cần kíp, nó chưa thuộc. Dạy được thế nầy : trước hết thầy cắt nghĩa vắn tắt rõ ràng kinh mình toan dạy, đoạn đọc một câu cho rõ hết sức, rồi biểu mấy đứa giỏi hơn đọc lại ; đoạn biểu hết thảy cả và lớp lặp lại, rồi biểu mấy đứa dở hơn đọc lại một lần nữa. Cứ như vậy mà dạy, thuộc khúc trước rồi thì thêm khúc sau, cho đến khi thuộc hết kinh.

II. — **Dạy Sách Phần.**

Tập con nít đọc Sách Phần, học Sách Phần và trả bài Sách Phần *cho có ý tứ và hiểu nghĩa lý,* đừng đọc giọng ngân nga mà không hiểu nghĩa.

Bài Sách Phần thầy giao cho con nít học mỗi ngày, thì phải chỉ cho rõ ràng, phải vừa sức học trò, đừng dài quá ; mà phải buộc chúng nó thuộc lòng, đừng bỏ đừng sái tiếng nào, nay kêu đứa nầy, mai bắt đọc chỗ khác, cho mỗi đứa đều thuộc hết thảy.

Về mấy đều khác : như dọn bài Sách Phần, dọn những câu hỏi và những đều phải cắt nghĩa, vân vân,.. thì do theo «*Cách dạy Sách Phần*» của Đức Cha đã làm và đã in ngày *mồng 1 Octobre 1921* (*Coi phần phụ thêm trang 30*)

III. — **Dạy đọc.**

Từ ngày con nít nhập trường cho tới cuối nửa năm đầu, thì chúng nó phải biết đọc chữ cho chạy.

Nếu thầy tận tâm tận lực mà dạy theo « *Bổn dạy con nít tập đọc* » của Đức Cha đã làm và đã in ngày mồng 1 Janvier 1917, thì phần nhiều hơn đọc được, không khó gì. Hễ học trò vừa đọc chạy, thì cứ Bổn ấy mà dạy nó đọc *cho có ý tứ*, nghĩa là cho nó hiểu những đều nó đọc ; lại *đọc cho rõ ràng dễ hiểu*, nghĩa là đọc cho kẻ khác nghe rõ và hiểu những đều nó đọc.

Bằng về việc dạy *và đọc và viết một trật*, thì do theo cuốn *Vần* ông Schneider, in trong nhựt trình « *Sư Phạm Học Khoa* », là nhựt trình chỉ cách thức dạy học

IV. — Dạy viết.

Dạy viết là tập con nít cho nó biết viết ngay thẳng rỏ ràng và viết mau. — Cách thức, giấy, mực, ngòi viết dùng mà viết : bấy nhiêu đều ấy giúp nhiều, cho mau biết viết. Theo việc từng trải bấy lâu, thì Cha sở hãy chịu khó lựa và mua các đồ học trò cần dùng (fournitures classiques), rồi để lại cho học trò y giá đã mua.

— Cách thức tập viết mau hơn và hay hơn hết, là dùng tập đã in kiểu các tuồng chữ, thường kêu là « *tập đồ* » ; dùng tập đồ ấy rất tiện cho thầy và cho học trò nữa.

— Khi học trò đã biết cách viết, cùng viết khá rồi, thì thôi dùng tập đồ, một dùng tập giấy thường mà viết.

Giờ tập viết, thì thầy lo tập học trò ngồi cho phải cách mà viết ; — xác ngồi ngay thẳng đều

đặn, và tập nó cầm cây viết cho nhằm: cầm tay hữu, ba ngón trên thì cầm cộng viết, đừng bóp cứng; hai ngón dưới, thì để phớt phớt trên tờ giấy.
— Thầy hãy đi luồn trong các bàn, mà xem xét, coi mỗi chữ, mỗi tiếng, mỗi hàng có đều khoản ngay ngắn, hầu chữ viết coi cho hay, cho tốt chăng.
— Trò nào viết sái, thì thầy sửa; mà như sái chung nhiều trò, thì thầy viết trên bản mà sửa chung tức thì tại đó. — Chữ nào học trò năng viết sái, thì thầy sửa trong tập của nó, và cứ một hai chữ mà sửa hoài cho đến khi nó viết trúng.
— Thầy đừng để học trò theo ý riêng mà viết tuồng chữ lạ, một cứ kiểu tập đồ mà viết.— Giờ tập viết phải vắn vắn: đều cần là viết cho hay, chẳng phải viết cho nhiều. Ai ai cũng từng thấy, hễ con nít viết lâu mà không nghỉ, thì làm sao mấy hàng sau hết cũng xấu hơn mấy hàng trước hết.

V. — Dạy phép toán.

Dạy phép toán là tập con nít cho biết tính toán, cho biết những phép cội rễ cần dùng trong việc đời ; lại tập chúng nó biết cầm trí mà suy xét, biết phân đoán cho nhằm, biết cẩn thận chính chắn và định độ hẳn hòi.

Phép toán tóm lại những đều sau nầy : phép đếm ; — tính miệng, tính viết và tính trong trí, gọi là tính rợ ; — giải và cắt nghĩa toán đố ; — cách dùng cần, lường, thước tất, và dùng các thứ ấy theo phép đo.

§ *1.— Phép đếm* dạy viết số và đọc số, (số là chữ đã lập ra để dùng mà đếm).— Muốn tập con nít đếm số, thì phải dùng những vật nó thấy mà dạy nó đếm. Như dùng bàn toán, hột chuỗi, cộng cây, thẻ, hột trái cây (ví dụ hột me), cục sỏi, sạn, viên đạn, vân vân..., rồi chỉ cho nó coi, và sánh cho nó thấy cái nầy khác cái kia : làm như vậy thì nó hiểu số là gì. Đoạn viết trên bản : hễ đếm một cái thì ghi một nét, sau hết đếm các nét đã ghi mà viết gộp làm một *chữ* chỉ hết thảy là bao nhiêu : chữ ấy là *số*.

Lần hồi tập con nít đếm những món ấy : 1 với 1, 2 với 2, 3 với 3, vân vân.... cho tới 10 với 10 ; như vậy nó mau thuộc *chữ số* chỉ những món nó đã đếm.

Đoạn cắt nghĩa cho nó hiểu : 4 viên đạn mà thêm vô 3 viên, thì thành 7 viên (4+3=7), và làm như vậy là làm *phép cọng*.— Còn 7 viên mà bớt ra 2 viên, thì còn lại 5 viên (7—2=5), và làm như vậy thì kêu là *phép trừ*.— Lượm mỗi một lần 3 viên đạn, mà lượm 3 lần (3×3=9), thì là 9 viên : ấy là *phép nhơn*.— 8 đồng xu mà chia cho 4 đứa, đưa cho mỗi đứa 2 xu (8 : 4=2), thì là *phép chia*.... Làm như vậy, thì con nít nhỏ xíu cũng mau hiểu số và biết dùng số.

Cho nên mỗi bài toán phải có 3 đều : phải có đồ cho con nít cầm mà đếm, hay là thầy đếm cho nó thấy : đó là tính đồ ; — tính miệng, là dùng tiếng nói mà tinh ; — tính viết, là dùng số mà viết ra trên bản.

Khi học trò biết kêu số, biết đọc, biết viết và biết dùng số nhỏ nhỏ, thì dạy qua số lớn và số có nhiều khoản, và cắt nghĩa cho nó hiểu mỗi khoản có 3 vị, trừ ra khoản đầu hết bên tả có khi ít vị hơn.

§ 2 — *Dạy tính viết* (culcul écrit), thì hãy ra sức mà tập học trò làm các bài toán cho lẹ và cho trúng. Mà muốn cho đặng như vậy, thì học trò phải *thuộc làu* bản cọng, bản trừ và bản nhơn ; lại viết số thì phải viết cho rõ, mỗi vị mỗi khoản phải viết cho nhằm chỗ, hàng trên hàng dưới phải ngay nhau. — Đừng ra bài toán có nhiều số và lớn quá ;— tập học trò làm *phép thử* (la preuve), cho biết bài toán mình làm trúng hay là trật, phải làm phép thử một mình, đừng ai giúp.

Bài toán viết, phải sửa cho kĩ ; hoặc số viết không rõ, hoặc viết không ngay hàng, hay là lỗi nào khác, thì thầy dùng mực đỏ mà làm dấu phải sửa thể nào.

§ 3 — *Dạy tính trong trí, kêu là tính rợ* (calcul mental). — Đang khi tập con nít viết số (đọc số và viết số), thì phải tập nó *đếm miệng* nữa. Lần hồi nó vừa biết làm toán chút đỉnh trên bản đá và trên bản đen lớn, thì biểu nó đừng viết, một *trả lời miệng* một ít câu hỏi rất dễ, nhứt là về toán cọng và toán trừ. Ví dụ: 3 xu với 2 xu, là mấy ? — 7 xu bớt 4 xu, còn mấy ?... Đó là tập tính rợ, là dùng trí nhớ mà tính như toán viết, song không viết ra, một dùng lời nói mà giải bài toán mình đã làm trong trí.

IMPRIMÉS 3

Hoạn dạy nó tính trong trí, chỉ cách vắn tắt cho nó dùng mà tính cho mau : ấy là chính phép tính rợ.

Cách dạy tính rợ là những cách hữu lý, để dạy tính cho mau trong các việc xẩy ra ở đời. Cách thường dùng hơn, là cách tính vị lớn trước. Ví dụ : phân số ra từ khoản, đổi và trừ cấn vị nọ vị kia. Song dùng cách nào mặc lòng, cũng phải tính theo số chẳn vị mười vị trăm.

Đây có ý nói về cách *phân số ra từ khoản theo vị mà thôi.*— Khi tính rợ, thì phải bắt vị lớn hơn hết bên tả mà tính qua bên hữu, chẳng phải bắt bên hữu mà tính qua bên tả như khi làm toán viết.

Đây ta chỉ ít ví dụ tính rợ theo cách ấy :

Cọng: 213+326=(200+300)+(13+26)=539 ; nghĩa là 200 cọng với 300=500, rồi 13 cọng với 26=39 ; hiệp cọng 500 với 39=539.

Trừ : 387—117=(387—100)– 17=270 ; nghĩa là 387 trừ 100=287 trừ 17=270.

Nhơn : Thường phân số nhơn (multiplicateur) ra từ vị, ví dụ : 58×56 = (58×5 dizaines)+(58×6)= 2900+348=3248 ; nghĩa là nhơn 58 với 5 vị mười = 2900, rồi nhơn 58 với 6 vị một=348. Đoạn nhập hai số thành 2900+348=3248.

Chia : Phân số chịu chia (dividende) ra từ khoản, ví dụ : 147 : 4 = (100: 4) + (47: 4) = 25 ÷11 $^{3}/_{4}$ = 36 $^{3}/_{4}$; nghĩa là chia 100 cho 4 = 25 ; rồi chia 47 cho 4=11 $^{3}/_{4}$. Đoạn nhập hai số thành 25+11 $^{3}/_{4}$ = 36 $^{3}/_{4}$.

Lời bảo : Trong mấy ví dụ trước nầy thì dùng số trỗng, không chỉ về vật gì ; song khi dạy trong lớp, thì tốt hơn phải dùng số chỉ vật nọ vật kia, như *25 xu*, vân vân....

§ *4 — Giải nghĩa và toán đố.*— Cắt nghĩa bốn phép cội rễ thì cắt nghĩa dần dần, ban đầu dễ rồi khó lần lần.

Cắt nghĩa các đều khác trước, rồi sau hết mới ra câu cái (définition). Cho nên trước hết phải cắt nghĩa mấy tiếng nầy : số chịu nhơn (multiplicande) là gì... ; số nhơn (multiplicateur) là gì... ; số thành (produit) là gì...— Cắt nghĩa các đều ấy cho học trò hiểu rỏ ràng, rồi mới ra câu cái (définition), và cắt nghĩa cùng bắt học câu cái ấy : « *Phép nhơn là phép.....* »— Về mấy phép cội rễ khác thì cũng cứ cách ấy mà dạy.

§ *5 — Làm toán đố.*— Hễ con nít vừa biết tính, thì tập nó làm toán đố, nghĩa là giải bài đố cho nhằm.

Lựa bài đố, thì phải lựa trong những việc thường thấy trong gia đạo cữa nhà, trong việc ruộng nương rẩy bái, trong cuộc buôn bán nghề nghiệp mần ăn, và trong việc nước làng xứ sở. — Dạy tính về những tiền xài phí vô ích, hoặc bởi thói quen hay là nết xấu : như ăn hàng, hút thuốc, cờ bạc rượu trà ; (hoặc tập tính về những tiền chắt lót dành để, bởi siêng năng cần kiệm, bởi chí thú lớp lang : ấy là những đều rất hạp và rất hữu ích về phần phong hóa.

Thầy dạy phải có nhiều bài đố làm kiểu. Những bài ấy phải giải nghĩa cách riêng cho rõ hết sức; phải viết bài ấy trên bản, rồi gạch ngang dưới mấy chỗ đại cái, mà chỉ cho học trò biết phải kiếm cho ra đều nào, phải dùng lý lẽ thể nào mà giải cho nhằm. Buộc học trò chép những bài đố ấy và chép câu giải vào tập để dành : ấy là đều rất hữu ích, vì học trò coi theo kiểu ấy cho biết cách làm và biết giải các bài giống như vậy.

Khi học trò cắt nghĩa phải làm toán nào cho ra số giải, thì đừng để nó cắt nghĩa như vầy : « Một thước vuông đất giá là 4$; cho nên mua 40 thước thì phải nhơn 4$ với 40 thước ». — Song thầy phải dạy nó giải như vầy : «Một thước vuông đất giá là 4$; cho nên mua 40 thước, thì tiền xuất ra mà mua là 40 lần 4$. Muốn kiếm số tiền ấy, thì phải nhơn 4$ với 40. »

Cách viết bài giải toán đố, thì phải dạy viết như vầy : mỗi khi giải rồi một đều mà giải qua đều khác thì phải xuống hàng khác, hầu thấy mỗi câu giải cho rổ ràng; còn câu giải thì vắn tắt rẽ ròi minh bạch; đoạn làm toán bên phía riêng, chừa cho toán.

§ *6. — Dạy về phép đo lường.* — Dạy về phép đo lường, thì trước phải hết tùy nơi tùy tiện mà dạy theo đồ thường dùng và chỉ về vật nọ đều kia, đừng rao số trổng mà thôi. Dạy về các thứ cân lường thước tất dùng nơi Đông Pháp; đoạn cắt nghĩa cho học trò hiểu cân lường thước tất dùng nơi Đông Pháp ăn với cân lường thước tất Langsa thế nào.

Mỗi khi dạy về phép đo lường, thì phải dạy học trò viết số về mỗi thứ cân lường, đo đạc cho nhằm. Tập làm bài cho nhiều, mà cắt nghĩa cho học trò nhớ đều nầy luôn luôn : về phép đo bề dài, về cân lường và tiền bạc, thì phải dùng *một chữ số* mà thôi cho đặng chỉ một vị (unité) ; — về phép đo mặt vuông (thước vuông, surface), thì phải dùng *2 chữ số*; — về phép đo nguyên xác (thước chuông, volume), thì phải dùng *3 chữ số*.

Phải dạy học trò cho nó biết các bực cân lường: bực lớn, bực nhỏ (multiples et sous-multiples). Như sắm được cân lường thiệt, thì dùng mà tập học trò cân lường vật nọ đều kia; lại tập nó nhắm chừng mà định phỏng thước tất nặng nhẹ là bao nhiêu, đoạ nđo hay là cân lại coi trúng trật thể nào; làm như vậy thì tập con nít mau thông thuộc phép đo lường.

Trước khi cho bài đố về phép đo lường, thì tập học trò đo đạc cân lường trước mắt cho nó dễ hiểu, ví dụ: đó lớp học, đo tư vuông sân chơi; đo thước chuông những vật thường dùng, vân vân...

§7.— *Dạy vẽ hình theo phép đo.*— Tập con nít cho nó biết dùng con mắt mà nhắm chừng, dùng tay mà vẽ những hình dễ dễ, như hàng ngay, giác góc, hình ba góc, hình bốn góc, vân vân... Ban đầu thầy vẽ trên bản, rồi nói tên mấy hình ấy, đoạn cắt nghĩa và dùng ví dụ mà phân giải ; rồi bắt học trò vẽ lại trên bản đá, hay là trong tập của mình các hình đã vẽ lại trên bản đen. Dạy học trò cho biết nói vật nọ vật kia thước tất là bao nhiêu.

VI. — Dạy tiếng Annam

Dạy tiếng annam tóm lại những bài sau nầy: học tiếng một, dạy cách nói, dạy viết cho trúng, tập đọc có giải nghĩa, bài luận.

§ I. Những bài ấy dạy chung được một lượt, và có ý giúp con nhà Annam thông thuộc tiếng Nước mình, kẻo đời bây giờ hay nói sái và dùng nhiều tiếng, không ai hiểu đặng.

1° — *Dạy tiếng một* là có ý cho trẻ nhỏ học thêm những tiếng thường dùng, mà ăn nói cho nhằm theo những đều nó đã thấy hay là trí nó bày vẽ. Dạy tiếng một có nhiều cách : biểu học trò nói tên những vật nó thấy trong trường, trong nhà thờ ;..— kể hết mọi thứ thuộc về một loại, một giống : như chỗ ở, đồ ăn, đồ mặc, đồ chơi ;.... — thêm một hai tiếng ám hạp cho vật nọ giống kia ; ...— kể ít tiếng chỉ cách thế hay là bổn tính thuộc về loài người, về đồ ăn uống, về màu sắc, về nhơn đức, vân vân ;.. — kể các việc con nít thường làm; ...— chỉ bổn tánh và cách dùng những vật học trò biết ...— Tập nó đổi tiếng nầy mà dùng tiếng khác có một nghĩa như nhau, hoặc biểu kiếm tiếng có nghĩa nghịch nhau, hay là dùng một câu dài mà cắt nghĩa một tiếng...

Chẳng những dạy cho biết tiếng một mà thôi ; song phải năng hỏi đi hỏi lại về ý nghĩa những tiếng ấy, cho học trò đặng hiểu rỏ ràng.

2° — *Dạy cách nói*, là tập học trò biết nói cho xuôi mỗi một câu. Tập nó biết ăn nói với người ta : là

tập cho nó có ý tứ xem xét và nhớ ; – tập cho nó biết suy;— tập cho nó biết truyện trò đối đáp.

Muốn tập học trò có ý tứ xem xét và nhớ, thì hãy năng bắt nó thuật lại những đều nó đã nghe thấy.

Tập cho biết suy, ấy là dùng trí nhớ và trí vẽ, mà nhứt là *trí xét*. Muốn tập con nít biết suy, biết xét, thì hỏi nó thể nầy: Học trò có tính nào xấu, tính nào tốt ; — tại làm sao mà làm biếng, nói dối là xấu và đáng quở phạt;—khi có như vậy thì phải làm thể nào ?

Thầy *dạy* và học trò *nói năng đối đáp* trong trường, thì thiếu chi dịp tốt cho thầy sửa học trò khi nói sái, hoặc cà lăm, ngọng, nói trại, nói đớt, hay là ăn bớt vần nọ tiếng kia,... nói tắt một lời, thầy phải sửa, phải lạ mãi cho đến khi tuyệt mấy tật ấy.

3° — *Dạy viết cho trúng* (orthographe), là tập học trò viết chữ cho nhằm, cho sửa và trúng nét.— Muốn viết cho trúng chữ, thì phải biết đánh vần, biết đọc, biết chép và viết mò.

4° — *Chép bài.*— Những tiếng phải chép thì bắt đọc trước, rồi thầy cắt nghĩa ; đoạn xếp sách lại, biểu đánh vần, rồi mới chép.

5° — *Viết mò.* — Hễ con nít vừa biết đọc và biết chép ít tiếng, thì phải rao từ chữ cho nó viết. Ban đầu thì dùng những tiếng trong cuốn Vần, vì những tiếng ấy nó đã đánh vần, đã đọc và đã hiểu rồi. Đoạn rao những tiếng khác con nít đã thấy trên bản, rồi lần hồi mới rao những câu vắn vắn dễ viết.

Còn những học trò đã khá hơn, thì dạy được

thề nầy: Lựa bài vắn tắt, rõ ràng, dễ hiểu, thiệt hay và hữu ích về đàng giáo hóa, đọc một câu, đọc chậm và rõ hết sức, rồi biểu một trò lặp lại câu ấy cho lớn và cho rỏ, các trò khác làm thinh mà nghe. Cứ đọc như vậy cho học trò viết cho tới hết.

6° — *Sửa bài viết mỏ*, thì thầy bắt một trò đánh vần, đoạn bắt học trò thay phiên nhau mà đánh vần cho tới hết. Hễ đâu có lỗi, thì ghi mấy chỗ lỗi, hoặc trong tập của mình hay là trong tập của kẻ khác, nếu thầy biểu đổi tập với nhau mà sửa; đoạn tập của ai thì nấy sửa các lỗi đã ghi. Thầy góp tập, coi lại mấy chỗ lỗi đã sửa. Mỗi khi gặp tiếng nào viết sái nghĩa, như *lạy* mà viết *lại*, thì thầy cắt nghĩa tiếng sái ấy có nghĩa là gì, và tiếng phải viết cho trúng có nghĩa là làm sao ; đoạn biểu trò viết sái phải viết hai tiếng ấy lại và viết nghĩa hai tiếng ấy nữa.

7° — *Tập đọc có giải nghĩa*, là thầy đọc trước làm gương, đọc chậm, cung giọng xứng đáng rõ ràng, rồi dón nghĩa lại.— Đoạn học trò đọc lại bài ấy, mà giải nghĩa lý đủ đều theo mỗi câu mỗi khoản.

§ *II.* — *Bài luận.* — Dạy con nít nhỏ học tiếng một, cắt nghĩa hình ảnh bức tranh, và dạy nó suy xét : ấy là những cách tập lần lần cho nó biết luận. Thỉnh thoảng dạy nó đặt câu nọ câu kia, rồi tập ráp nhiều câu về một chuyện hiệp cùng nhau làm một bài vắn vắn.

1° Cho bài luận tiện và dễ hơn hết, là thuật đủ đều về các vật cần dùug ; thuật chuyện mình đã

thấy hay là đã nghe ; viết thơ gởi cho cha mẹ bà con ; đặt đơn trạng, văn khế, tờ trát, phúc bẩm...

2° Mỗi bài luận, thì thầy phải ra nảo tóm tắt những đều đại cái, và dạy học trò cách làm bài luận theo luật mẹo cách thức quen dùng, làm cho rổ ràng minh bạch, đừng nói những đều vô ích, đừng lặp đi lặp lại.

3° Sửa bài luận, thì thầy xét cho kỉ về nghĩa lý và cách nói. Về *nghĩa lý* thì cho học trò biết bài nó làm có lý lẽ, có nhằm chuyện, có trúng não đã rao chăng ; về *cách nói* thì cho nó biết cách nói nào sái, tiếng nào chẳng nhằm. Đoạn thầy đọc *bài kiểu* của mình cho học trò nghe, hay là rao cho nó chép.

VII. — Dạy trí tri sự vật.

Bài trí tri sự vật, là thầy nói truyện với học trò về những vật hiện tại đích xác, hoặc về hình vẽ những vật ấy, có ý cho học trò biết hình vóc những vật ấy, biết nó bởi đâu mà ra, dùng nó mà làm gì, tư chất nó thế nào, vân vân...

Ấy là tập lần tới việc học bát vật, vạn vật, vệ sinh, canh nông. — Muốn dạy bài nầy cho tiện, cho dễ, cho vui và có thứ lớp, thì phải sắm đủ đồ dùng mà dạy : như các món vật thực, nhiều thứ loại kim, một mớ kiểu cây, hột trái cây, ít món thổ sản, hoặc đồ của các nghề nghiệp thợ thầy đã làm ra. Tập học trò nói chuyện về những vật ấy ; đoạn đều chỉ

sái thì thầy sửa, thiếu thì thêm cùng sắp đặt lớp lang, sau hết dón lại cho học trò dễ nhớ.

Trường nữ phải thừa dịp bài nầy, mà dạy may vá, nấu nướng cùng lo việc cửa nhà.

VIII. — Dạy sử kí.

Dạy sử kí là có ý cho học trò biết sử Nam Kỳ. Thầy phải lựa và tóm lại các truyện đại cái, mà dạy cho học trò biết những truyện ấy đã xảy ra khi nào, và nối tiếp với nhau thể nào, hầu trẻ nhỏ ham học và biết truyện xứ mình.

Việc dạy Sấm Truyền (Sử thánh) thì bắt học « Vấn Đáp », mà đừng buộc thuộc lòng từ tiếng ; song thầy phải đặt nhiều câu hỏi tóm lại mỗi một bài, mà hỏi đi hỏi lại cho học trò nhớ những truyện nó đã học.

— Phải năng cắt nghĩa cho học trò hiểu Đ C T rất nhơn từ quảng đại, thương dân Người là dường nào, mà dân Người rất vong ân bội ngãi cùng Người cho đến đỗi nào. — Phải cắt nghĩa hạnh Đ C G cùng các việc Đ C G đã làm khi còn sống dưới thế. — Phải dạy tắt những truyện đại cái về Sử Hội thánh.

IX. — Dạy địa dư.

Trước hết dạy cho học trò biết địa dư đất nước mình, đoạn dạy sơ lược về các nước trong hoàng cầu. Phải dùng những đều thường thấy trong xứ, mà cắt nghĩa những tiếng dùng trong

địa dư, như : đồng nội, gò nổng, núi non, sông suối, rạch ngòi, giáp nước, vàm, cữa biển, biển, vũng, vịnh, cù lao, doi, mũi, phá, vân vân...

Coi mặt trời mọc phía nào, và trường học nằm phía nào, mà dạy học trò giống hướng (points cardinaux). Đoạn dạy theo bản đồ, họa đồ, hình vẽ trên bản và hình in trong giấy, rồi cắt nghĩa theo bài trong sách và trong bổn dạy địa dư. Phải cắt nghĩa cho học trò hiểu rỏ đều nầy : là muốn biết một xứ cho tường tận, thì phải do theo bản đồ : đó là đều cần kíp lắm. Do theo bản đồ thì mới biết một xứ ở hướng nào, xứ ấy bao lớn, xứ ấy cách xa xứ khác bao nhiêu, xứ ấy sánh cùng xứ khác thì sung túc thể nào.

Hễ dạy mỗi một bài rồi, thì phải hỏi lại coi học trò có hiểu rỏ ràng các đều mình đã dạy chăng.

X. — Phương cách phải dùng cho đặng tấn ích, và cách xem xét bài vỡ.

Những phương cách ấy là : hỏi lại bài vỡ mỗi ngày, hay là hỏi về các bài học ôn lại;—bài viết và sửa bài viết ấy;—bài thi mỗi tuần;—thi chung mỗi năm;—xét trường;—phát phần thưởng.

1°—*Thầy hỏi bài*, thì học trò phải trả lời cho có ý tứ, cho nhằm lý lẽ, nói cho lớn và rỏ ràng, cho cả lớp đều nghe.

2°—*Bài học ôn*, phải bắt học ôn cho thường; nhứt là bài nào chia làm nhiều đoạn, khi đã học hết rồi, thì phải ôn lại, hoặc bài Sách Phần, Sử kí, Địa dư cùng là phép toán;—lúc cuối năm cũng phải học ôn lại hết.

3°—*Bài thi mỗi tuần* là một cách hỏi, mà học trò trả lời trong giấy. Phải lựa bài cho vừa sức học trò, hầu hết thảy trả lời được, dầu không trúng trọn hết, thì ít nữa mỗi câu mỗi trúng chút đỉnh; thường phải tập học trò làm nhiều câu cho rõ và cho dài.—Phải coi chừng, đừng để học trò chép bài nhau, cũng đừng cho nom trong sách hay là trong tập đã chép sẵn những bài ấy.

Bài thi, thì cho điểm (points) thể nầy : bài viết mò thì đếm lỗi(chữ viết sái) mà bớt điểm; — bài toán, sử kí và địa dư, thì định mỗi câu trả lời trúng là mấy điểm, đoạn xét câu trả lời mà cho điểm; — bằng về tập viết cùng bài vẽ, thì so sánh tập giấy của học tró làm bài mà cho điểm.

Các trường họ mỗi tuần mỗi làm một bài thi về một món học, hầu mỗi tháng thi đủ các món cần hơn đã chỉ định trong chương trình. Thi rồi, thì biên tên học trò theo thứ tự số điểm bài thi, mà dán chỗ cháng chường cho người ta thấy, như dán tại cửa nhà thờ. Còn bài thi thì giữ kỉ, hầu khi Cha giám trường đến xét, thì chiếu ra cho Cha kiểm điểm.

4°—Mỗi năm sẽ có một *hội thi chung* học trò các trường trong một sở (District), chính mình Cha giám trường sắp đặt, xem xét và chấm sửa bài vở, đoạn gởi cho Cha Tổng lý Hội giám trường,

5°—Giám trường.—Các Cha giám trường, Đức Cha đã chọn hầu xét các trường về phần sở mình, thì mỗi năm sẽ xét trường một lần theo thể lệ chương trình Đức Cha đã thiết lập. Các tờ phúc

của các Cha giám trường sẽ gởi cho Cha Tổng lý, hầu ngài góp lại mà làm tờ phúc chung cho Đức Cha.

6° — Phát phần thưởng. — Hễ cuối năm thì Cha sở sẽ phát phần thưởng cho các trò đứng thứ nhứt trong mỗi bài thi; thưởng những trò đạo đức, nết na đức hạnh; thưởng những trẻ siêng năng cần mẫn. — Phần thưởng thì lựa những đồ hữu ích và xứng đáng. Tiền sở phí về việc phát phần thưởng thì Họ phải chịu, và phải tùy huê lợi mỗi Họ mà định tiền sở phí ấy.

Câu kết

Việc cần kíp lắm và phải lo lập tức, là phải lập một trường giáo tập.

PHẦN PHỤ THÊM

Cách dạy Sách Phần cho con nít và chẩu nhưng mau thuộc biết lễ đạo

Lời bảo

Biết thì khác, biết dạy người ta thì khác. Trong Địa Phận Ta, các kẻ dạy Sách Phần thảy đều thông thuộc Sách Phần: song tiếc một đều, là nhiều kẻ không biết *cách dạy* cho đủ.

Có kẻ ngờ là mọi người đều nghe và hiểu các đều mình dạy, cho nên cứ dạy, cứ cắt nghĩa luôn luôn, chẳng khi nào hỏi. Dạy Sách Phần cho con nít nhỏ như vậy, thì là mất giờ vô ích; vì chưng con nít nghe chừng một lát, rồi hết nghe.

Có kẻ cắt nghĩa một hồi lâu, rồi ngừng lại mà hỏi một hai đều, đoạn cứ cắt nghĩa nữa, không lo kẻ mình dạy có chăm chỉ mà nghe cùng hiểu hay không. Dạy như vậy khá hơn kẻ nói trước nầy một chút; song hỏi *sơ qua vậy mà thôi*, thì không đủ cho đặng làm cho con nít ham nghe và ham hiểu.

Việc cần nhứt kẻ dạy Sách Phần phải lo, *là lo cho kẻ mình dạy ham nghe và ham hiểu*, là

dùng mọi phương cách cho nó chăm chỉ mà nghe và hiểu lời mình dạy.

Vì chưng nếu kẻ mình dạy *không nghe*, thì mình nói nhiều, dạy nhiều làm chi mệt nhọc vô ích? Còn như kẻ mình dạy *không hiểu*, thì chẳng có lẽ nào cho nó chăm chỉ mà nghe lâu dài đặng.

Bởi đó cho nên *kẻ dạy Sách Phần phải làm hết sức cho kẻ mình dạy chăm chỉ mà nghe, và phải biết rõ ràng mọi người đã hiểu hết đều mình dạy hay là chưa.*

Cho đặng hai đều ấy, thì phải giữ những lời dặn bảo sau nầy :

1° Mỗi một đều mình dạy, thì phải cắt nghĩa cho *rõ ràng* và *vắn tắt*, vừa sức trí con nít cùng chầu nhưng, cho nó dễ hiểu, dễ nhớ.

2° Mỗi một đều mình cắt nghĩa, thì phải lặp đi lặp lại cho đến khi mọi người hiểu hết thì mới thôi.

3° Thường thường đừng cắt nghĩa nhiều đều một lượt, song phải *cắt nghĩa một khi một đều mà thôi.*

4° *Hễ cắt nghĩa vừa rồi*, thì phải hỏi lại tức thì, cho biết hết thảy có hiểu đều mình mới cắt nghĩa đó chăng. Có một khi thấy rõ mọi người đã hiểu hết đều mình mới dạy, thì mới nên dạy qua đều khác.

Dạy như vậy coi hình chậm, song bước tới bước nào thì chắc bước nấy.

Thường thấy có kẻ dạy con nít nhỏ và chầu nhưng, mà dạy dông dài nhiều đều không có

trong Sách Phần; cho nên nhiều khi việc dạy chầu nhưng cùng con nít nhỏ, ra giống như dạy bổn đạo và đồng nhi lớn mỗi buổi chiều Chúa nhựt: làm như vậy thì không nhằm. Việc dạy chầu nhưng và con nít nhỏ, thì nhứt thiết phải chăm lo ghi tạc khắn khắn vào lòng chúng nó các đều đại cái và cần kíp phải biết và phải tin trong đạo thánh Đ C T; còn các đều chưa cần thuộc biết thì để lại sau. Bởi đó cho nên Ta xin ai nấy cứ bổn Sách Phần mà cắt nghĩa, đừng thêm những đều ngoại bổn ấy.

I. — Lề luật chung.

1°— Dạy thì nói ít, mà nói cho rỏ ràng dễ hiểu hết sức. Nhứt là bắt kẻ mình dạy nói nhiều, là hỏi nó cho nhiều đặng nó trả lời.

2°— Phải tập con nít và chầu nhưng cho quen một đều: là đừng có trả lời trước khi hiểu nghĩa lời hỏi.

3°— Phải tập con nít cho quen một đều nữa: là hễ hỏi một đứa, thì *hết thảy mấy đứa khác* phải chăm chỉ mà nghe như hỏi mình, và phải kiếm câu thưa như mình phải trả lời. Hỏi một đứa, mà đứa khác trả lời trúng, thì phải ban phần thưởng cho đứa ấy.

4° — Mỗi lần dạy Sách Phần, thì trước hết phải nhắc lại các đều đại cái đã cắt nghĩa lần trước luôn luôn. Dạy chầu nhưng và con nít nhỏ, thì

phải năng lặp đi lặp lại như vậy, bằng không thì chúng nó quên hết.

5° — Kẻ dạy phải cứ bổn Sách Phần mà cắt nghĩa, và cắt nghĩa cho rõ ràng minh bạch những đều đã tóm lại trong Sách Phần *mà thôi*. Đừng làm hơi thông thái, mà dạy những lẽ cao hay là cắt nghĩa Sách Đoán, con nít và chầu nhưng nghe cũng như *vịt nghe sấm*, hiểu chẳng đặng một đều gì sốt.

6° — Cũng phải cắt nghĩa cho con nít và chầu nhưng hiểu nghĩa mấy kinh nó đọc: *Lạy Cha, Kính mừng*, kinh *Tin kính*, kinh *Ăn năn tội*, ba kinh *Lạy Chúa tôi*, vân vân... Việc cắt nghĩa mấy kinh ấy là cần kíp lắm, mà nhiều kẻ chẳng lo; dầu kinh *Ăn năn tội*, thì nhiều khi cũng không cắt nghĩa cho những kẻ dọn mình chịu phép rửa tội hay là phép giải tội nữa.

7° — Cũng đừng quên cắt nghĩa những việc lành người giáo hữu quen làm trong Hội thánh: như làm dấu thánh giá, bái gối trước Mình Thánh Chúa, đánh ngực, chấm nước thánh, vân vân....

Phải dạy con nít và chầu nhưng làm mấy việc bề ngoài ấy cho chính đính kỉ cang, lại cũng dạy chúng nó bề trong phải có lòng thể nào đang khi làm những việc ấy bề ngoài. Ví dụ: Tập nó bái gối cho tử tế, thì cũng một khi ấy dạy nó giục lòng tin vững vàng có Đ C G ngự thật trên bàn thờ; cho nên tập nó và bái gối và đọc thầm trong

lòng rằng : *Lạy Chúa, tôi thờ lạy Chúa ! — Lạy Chúa tôi, cùng là Chúa Trời tôi !* hoặc kinh nào khác vắn tắt, có nghĩa là giục lòng tin, hay là giục lòng kính mến ĐCG ngự thật trong Nhà tạm.

Tập nó làm dấu thánh giá, thì cũng giúp nó giục lòng tin những sự mầu nhiệm một ĐCT Ba Ngôi, Ngôi thứ Hai ra đời và chịu nạn chịu chết mà chuộc tội cho thiên hạ.

Khi đọc kinh *Cáo mình*, kinh *Ăn năn tội*, phải chịu hkó dạy cho nó nhớ đánh ngực chỉ nghĩa là gì, thì trong lòng cũng phải có ý tứ theo như nghĩa ấy. Vân vân... vân vân...

8° — **Kẻ dạy Sách Phần phải dọn trước bài mình dạy luôn luôn,** cho đặng thấy trước: *a*) các đều mình phải cắt nghĩa, — *b*) các câu mình phải hỏi, — *c*) các lời ví mình sẽ dùng mà so sánh, — *d*) các ví dụ hay là những đều hỏi đố cho học trò giải *(cas de conscience)*, — *e*) các thánh tích, hoặc truyện kia truyện nọ giúp mình làm chứng hay là cắt nghĩa đều mình dạy.

II. — Cách dạy Sách Phần.

1° — Cắt nghĩa cho hiểu những tiếng trong Sách Phần.

Phải lo cho biết con nít hay là chầu nhưng có hiểu nghĩa những tiếng nó đọc, những lời nó thưa hay chăng. Thường lề nó nói, mà không hiểu lời nó nói có nghĩa là gì ; nó thấy chữ, nó

nói tiếng không mà thôi, mà không thấy *cái đều* tiếng ấy chỉ. Nhiều khi nhằm là những đều dễ hết sức, mà nó cũng không thấy : như con nít đọc hay là nói tiếng CHƠN một trăm lần, thì nó cũng không nhớ tiếng ấy chỉ cái phần thân thể nó dùng mà đi đứng. Vì vậy phải làm hết sức, cho đặng bắt nó *thấy* nghĩa những tiếng nó dùng.

Cho nó hiểu nghĩa những tiếng ấy, thì

A) — Tiếng mình cắt nghĩa chỉ đều gì, thì bắt con nít lấy tay mà chỉ đều ấy.

Ví dụ : Mình đang cắt nghĩa tiếng *trời*, *đất*, *muôn vật*, thì biểu N. chỉ trời, chỉ đất, chỉ một ít vật Đ C T đã dựng nên...vân vân... vân vân...

B(— *Phải hỏi như vầy :* N. trời ở đâu? — Trời có lớn lắm chăng?—Tối tối thì thấy giống gì trên trời? — Vật Đ C T dựng nên có nhiều lắm chăng? vân vân... vân vân...

C) — Khi cắt nghĩa đều gì mà tay chỉ chẳng đặng, thì phải cắt nghĩa đều ấy cho rõ ràng, cho dễ hiểu hết sức.

Ví dụ : *Tinh thiêng liêng*, là loài con mắt ta thấy chẳng đặng, mà là loài sống, hiểu biết cùng đủ tài năng ; ta thấy chẳng đặng, vì tính thiêng liêng không có xác. Đoạn hỏi như vầy : Ta thấy loài thiêng liêng đặng chăng?—Thưa chẳng đặng. — Vì làm sao mà chẳng đặng?— Chỉ xác con cho cha coi.— Loài thiêng liêng có ăn uống gì chăng? vân vân... vân vân...

D) — Hãy kiếm *lời ví mà so sánh*, cho đặng cắt nghĩa đều mình dạy ; cũng cứ dùng lời hỏi mà cắt nghĩa mấy đều mình so sánh.

Cứ ví dụ trước nầy : Sánh tính thiêng liêng với gió ; dầu không thấy gió, mà có gió và gió chuyển động đổi dời : N. con thấy gió không?— Thưa thấy. — Gió màu gì? — Uả ! không, không thấy gió. — Vậy thì sao mà con biết có gió? — Vì gió thổi động lá cây, gió thổi mát mặt. — Vậy dầu mắt ta không thấy gió thì cũng có gió và gió chuyển động đổi dời... (Cách hỏi như vậy, bày biến được trăm ngàn cách ; mà cách nào làm cho con nít mau hiểu và hiểu rõ hơn, thì ấy là cách tốt hơn hết). Trước khi thôi dạy thì phải nói cho con nít hiểu, dầu không thấy gió, mà có gió, gió thổi ; nhưng vậy *gió không phải là thiêng liêng:* nói đây bấy nhiêu thì đủ, đừng cắt nghĩa gió là gì, vô ích.

2°—*Cắt nghĩa những sự thật* (phải tin) *và lề luật* (phải giữ), *trong đạo.*

Khi dạy về những sự mầu nhiệm, hay là những sự thật phải tin, mà trí con nít không hiểu được *tại cách nào* hay là *vì lẽ nào* mà có như vậy, thì hãy dạy mấy đều ấy cho rõ hết sức, y như Hội Thánh dạy mà thôi, đừng cắt nghĩa dông dài làm chi. Về mấy đều ấy, dạy *trổng* như vậy thì hay hơn là cắt nghĩa. Phải giữ cho lắm, kẻo muốn cắt nghĩa những đều người ta hiểu không thấu, hay là những đều mình cắt nghĩa cho rõ ràng chẳng đặng, e làm hại đức tin những kẻ ấy chăng ?

Còn những đều con nít hiểu đặng, cùng buộc nó phải hiểu biết, thì dầu khó nhọc thể nào cũng phải làm hết sức mà cắt nghĩa cho nó hiểu chắc chắn rỏ ràng.

Muốn cho con nít và châu nhưng hiểu những đều ấy rỏ ràng, thì :

A) — *Hãy hỏi, hỏi đi hỏi lại luôn luôn.* Ấy là phương nhứt hảo. — Mấy lời hỏi ấy giúp mình dễ cắt nghĩa, và làm cho mình biết kẻ nghe dạy có hiểu rỏ ràng các đều nó trả lời hay không.

Ví dụ : Con có phạm tội tổ tông chăng? — Thưa có. — Phạm mấy lần? — Một lần... Ấy là dấu con nít không hiểu rỏ tội tổ tông là gì.

Nếu nó trả lời rằng : Con mắc tội tổ tông, chớ con không có phạm. — Ai phạm tội tổ tông? — Thưa: ông Adong và bà Evà. — Sao con mắc tội ấy! — Thưa : Vì tổ tông truyền lại cho loài người ta... Ấy là dấu con nít hiểu rỏ ràng.

B) — *Hãy dùng những lời ví dễ hiểu mà so sánh.*

Ví dụ : Tội là chẳng vưng lời Chúa răn, thì sánh với sự con cái chẳng vưng lời cha mẹ. Ta chẳng vưng lời Đ C T thì làm cực lòng Đ C T, cũng như con cái chẳng vưng lời cha mẹ thì làm cực lòng cha mẹ. — Phải phạt... — Đặng tha thứ...

Tội, là như thuốc độc bỏ đường uống ngọt, mà nó giết linh hồn. — Tội đã phạm mà để trong linh hồn, thì cũng như rắn độc mà để trong áo mình đang mặc.

Cũng như nước rửa cho sạch bợn nhơ phần xác, cũng một lẽ ấy ơn phép Rửa tội rửa linh hồn

cho sạch bợn nhơ tội tổ tông cùng tội mình làm trước khi chịu phép Rửa tội. (Dạy mấy đều ấy, thì cũng cứ dùng lời hỏi mà cắt nghĩa luôn luôn) vân vân...

C) — Dùng *ví dụ cùng đều hỏi đố dễ dễ* cho con nít giải.

Đó là cách hay hơn hết, cho đặng làm cho con nít dễ hiểu những đều phải làm, phải lánh về đàng tội phước.

Ví dụ :

Vêrô biết mình đang mắc một hay là nhiều tội trọng ; nó đi ghe ; ghe gần chìm, mà Vêrô không biết lội. Vêrô thấy mình gần chết chìm, thì hết lòng than thở cùng Chúa rằng : «Lạy Chúa, *con sợ sa địa ngục lắm*, cho nên con ăn năn đau đớn vô cùng vô tận vì đã làm mất lòng Chúa, con chẳng hề dám làm mất lòng Chúa nữa. » — Tội nghiệp Vêrô, nguyện bấy nhiêu lời đoạn liền chết chìm; nó đặng rồi linh hồn chăng ? — Thưa không. — Tại làm sao mà không đặng ?... vân vân...

Mà nhược bằng Vêrô đã than thở cùng Chúa thể nầy : «Lạy Chúa, con ăn năn đau đớn hết lòng hết sức, vì đã làm mất lòng Chúa *trọn tốt trọn lành vô cùng*, Chúa đáng yêu đáng mến vô cùng, con kính mến Chúa trên hết mọi sự, con chẳng hề làm mất lòng Chúa nữa, xin Chúa tha tội cho con ! » — Vêrô đặng rồi linh hồn chăng ? — Thưa đặng. — Tại làm sao mà đặng ? — Ăn năn tội cách trọn là gì ? — Trong mấy lời Vêrô than thở cùng Chúa, lời nào chỉ nó ăn năn tội cách trọn ? —

Trong kinh *Ăn năn tội* (*kinh Kính lạy*) những tiếng nào chỉ ăn năn tội cách trọn... vân vân...

Một ví dụ ấy thì bày biến được nhiều cách thế, mà hỏi đi hỏi lại, cho đặng cắt nghĩa mọi đều phải dạy về sự ăn năn tội :

Vêrô đã ăn năn tội cách chẳng trọn mà thôi. Mà giả như khi ấy có một thầy cả đứng trên bờ và làm phép giải tội cho nó...

Vêrô đã ăn năn tội cách chẳng trọn mà thôi. Mà giả như khi người ta vớt nó lên, nó đã bất tỉnh mà chưa chết ; khi ấy có một thầy cả làm phép giải tội cho nó... xức dầu thánh... Như vậy Vêrô có đặng rỗi linh hồn chăng ?

Vân vân...

D) — Sau hết muốn cho kẻ mình dạy ham nghe, và vui lòng mà nghe dạy, thì hãy kiếm *thánh tích hay là truyện nọ truyện kia cho sẵn*, truyện rút trong sách Êvang hay là trong Sấm truyền cũ, hoặc trong Hạnh các Thánh hay là trong Sử Hội Thánh :

Ví dụ :

Dạy về tội, về sự ăn năn tội cùng về ơn tha tội, thì dùng truyện : Trai hoang đàng.

Về địa ngục : truyện Người giàu có bất nhơn.

Chớ giết người : truyện Cain giết Abêlê.

Chớ làm tà dâm : Lục đại hồng thủy phạt tội dâm dục.

Chớ ăn trộm ăn cắp : truyện ông Naboth. , vân vân... vân vân...

Sự Thương khó ĐCG: truyện các anh ông Giude bán em... Isaac vác củi lên núi mà chịu thiêu sống cho đặng tế lễ ĐCT, vân vân...

Lời Chúa hứa gìn giữ Hội Thánh: truyện hoàng đế Julien l'Apostat, Henri V hoàng đế nước Allemagne.—Truyện các Thánh Tử vì đạo, vân vân...

Vân vân... vân vân...

Đoạn dùng lời hỏi mà cắt nghĩa cho hiểu những truyện mình thuật lại, thì chỉ về những đều mình dạy thể nào.

Nota.—Nếu có *Sách Phần bằng hình*, hễ mỗi khi thấy có ích thì hãy dùng: dùng hình ảnh mà dạy con nít thì thường nó ham cùng vui lắm.

XIN NHỚ:

Cuốn Sách Phần ta dùng trong Địa Phận thì thiếu nhiều đều; mà hễ biết dùng *lời hỏi cùng đều đố cho con nít giải*, thì dạy thêm được nhiều đều không có trong Sách Phần.

Sách Phần không nói phải có mấy đều cho thành tội trọng. Nếu dùng lời hỏi cùng ví dụ thì dễ dạy cho con nít hiểu: phải có ba đều cho thành tội trọng: 1° phạm đều trọng, — 2° hiểu biết, — 3° cả lòng ưng chịu.

Ví dụ:

Phạm đều trọng: Vêrô ăn cắp một đồng *xu*, thì có phạm tội trọng chăng?... Tại làm sao mà là tội nhẹ?—Mà như Vêrô ăn cắp 100 đồng bạc, thì nó phạm tội gì?... Tại sao mà là tội trọng?...

Hiểu biết: Nhằm ngày Chúa nhựt, mà Vêrô tưởng là ngày thứ bảy, cho nên không đi xem lễ, thì Vêrô có phạm tội trọng chăng?... Vì lẽ nào mà không?... Nó có phạm tội nhẹ chăng?... Tại làm sao mà nó không phạm tội gì hết?...

Cả lòng ưng chịu: Vêrô chơi với Phaolồ, vô ý xô Phaolồ té hiểm nghèo quá lẽ, cho nên chết tươi; Vêrô xô Phaolồ té chết như vậy, có phạm tội trọng chăng?... Tại sao không?...

(Xem mấy ví dụ trước nầy liền thấy rõ ràng, dùng *một* ví dụ thì cắt nghĩa được các đều sau nầy dễ lắm: 1° Phải có mấy đều cho thành *tội*,— 2° phải có mấy đều cho thành *tội trọng*,—3°phải có mấy đều cho thành *tội nhẹ*?...)

Saigon, ngày mồng 1 Octobre 1921.

† Victor Carôlô
Giám Mục Larandа ký.

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE IMPRIMÉS R.F.

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE IMPRIMÉS R.F.

MỤC LỤC

Trang

Phần thứ nhứt — Luận chung ít đều về việc dạy học. 3
I. — Thầy dạy. 3
II. — Chỗ học 5
III. — Đồ đạc phải có trong Trường . . 6
IV. — Ít đều chung về cách dạy các bài . 8
V. — Ít đều riêng về cách dùng mà dạy. 9
Phần thứ hai. — Cách dạy riêng mỗi một bài, theo chương trình chỉ định . 11
I. — Đọc kinh trong trường. . . . 11
II. — Dạy Sách Phần. 13
III. — Dạy đọc. 13
IV. — Dạy viết. 14
V. — Dạy phép toán. 15
§ 1. — Phép đếm, dạy viết số và đọc số. . 16
§ 2. — Dạy tính viết (calcul écrit). . . 17
§ 3. — Dạy tính trong trí, kêu là tính rợ (calcul mental). 17
§ 4. — Giải nghĩa và toán đố. . . . 19
§ 5. — Làm toán đố. 19
§ 6. — Dạy về phép đo lường. . . . 20
§ 7. — Dạy vẽ hình theo phép đo. . . 21
VI. — Dạy tiếng Annam. 22
§ I. — Dạy cách nói, viết cho trúng, tập đọc tiếng Annam 22
§ II. — Bài luận 24

VII. — Dạy trí tri sự vật 25
VIII. — Dạy Sử ký. 26
IX. — Dạy địa dư. 26
X. — Phương cách phải dùng cho đặng tấn ích, và cách xem xét bài vở. 27
Phần phụ thêm. — Cách dạy Sách Phần cho con nít và chầu nhưng mau thuộc biết lễ đạo 30
Lời bảo. 30
I. — Lề luật chung. 32
II. — Cách dạy Sách Phần. 34
1° — Cắt nghĩa cho hiểu những tiếng trong Sách Phần 34
2° — Cắt nghĩa những sự thật (phải tin) và lề luật (phải giữ) trong đạo. 36
Xin nhớ. 40